

<b>BBT. TRANG TIN ĐIỆN TỬ SỞ NN</b>
Người biên tập:
Kiểm duyệt nội dung:
<b>ỦY BAN NHÂN DÂN</b>
Kiểm duyệt đăng tải:
<b>TỈNH TRÀ VINH</b>

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2344 /QĐ-UBND

Trà Vinh, ngày 26 tháng 12 năm 2012

### **QUYẾT ĐỊNH**

**Kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Trà Vinh,  
giai đoạn 2011 - 2015**

### **ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Bảo vệ và phát triển rừng ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Nghị định số 23/2006/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2006 của Chính phủ về thi hành Luật Bảo vệ và Phát triển rừng;

Căn cứ Nghị định số 05/2008/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2008 của Chính phủ về Quỹ bảo vệ và phát triển rừng;

Căn cứ Nghị định số 99/2010/NĐ-CP ngày 24/9/2010 của Chính phủ về chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng;

Căn cứ Quyết định số 186/2006/QĐ-TTg ngày 14/8/2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế quản lý rừng và Quyết định số 34/2011/QĐ-TTg ngày 24/6/2011 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Quy chế Quản lý rừng ban hành kèm theo Quyết định số 186/2006/QĐ-TTg ngày 14 tháng 8 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 438/QĐ-TTg ngày 24/3/2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Trà Vinh đến năm 2020;

Căn cứ Thông tư số 05/2008/TT-BNN ngày 14 tháng 01 năm 2008 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn lập quy hoạch, kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng;

Căn cứ Công văn số 815/BNN-TCLN ngày 23 tháng 3 năm 2012 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc thẩm định quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2011 - 2020;



Căn cứ Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2012 của Hội đồng nhân dân tỉnh Trà Vinh khóa VIII - kỳ họp thứ 7 phê duyệt Quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng, giai đoạn 2011 - 2020 và Kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng, giai đoạn 2011 - 2015 tỉnh Trà Vinh;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Trà Vinh, giai đoạn 2011 - 2015, với những nội dung chủ yếu sau:

#### **1. Mục tiêu**

- Bảo vệ 7.463 ha rừng phòng hộ hiện có, không để tình trạng suy thoái rừng, lấn chiếm đất rừng để sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản;
- Nâng độ che phủ của rừng từ 3,3% (thời điểm năm 2011) lên 3,6% năm 2015 (8.148 ha);
- Thu hút khoảng 3.000 lao động tham gia các hoạt động lâm nghiệp.

#### **2. Nhiệm vụ**

Nhiệm vụ chung, ổn định 19.342 ha đất quy hoạch cho lâm nghiệp với chức năng là rừng phòng hộ; nâng cao số lượng, chất lượng rừng để phát huy tốt các chức năng phòng hộ ven biển, ven sông, lấn biển, các nhiệm vụ cụ thể:

##### **2.1. Bảo vệ rừng**

Thực hiện quản lý rừng theo Quy chế quản lý rừng quy định tại Quyết định số 186/2006/QĐ-TTg ngày 14/8/2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế quản lý rừng, với các nội dung:

- + Ngăn chặn các hoạt động xâm phạm trái phép vào rừng, đất lâm nghiệp, nâng cao năng lực, hiệu quả của lực lượng bảo vệ rừng;
- + Tăng cường các hoạt động bảo vệ và quản lý rừng, đa dạng sinh học có sự tham gia của cộng đồng dân cư;
- + Nâng cao năng lực thực hiện trách nhiệm quản lý nhà nước về rừng và đất lâm nghiệp của các cấp chính quyền địa phương.
- Đối tượng: toàn bộ diện tích rừng, bao gồm: rừng tự nhiên và rừng trồng.
- + Năm 2011: 7.463 ha;
- + Năm 2015: 7.508 ha (rừng hiện có và rừng trồng đến năm 2015 hết thời gian chăm sóc).

##### **2.2. Giao khoán bảo vệ rừng**



Thực hiện giao khoán toàn bộ diện tích đất có rừng cho hộ gia đình, tổ chức, đến năm 2015 tất cả diện tích đất có rừng đều có chủ nhận khoán bảo vệ. Tổng diện tích giao khoán bảo vệ rừng là 31.120 ha;

Diện tích giao khoán bình quân là 6.224 ha/năm, năm 2011 là 4.343 ha, đến năm 2015 là 7.508 ha.

### **2.3. Phát triển rừng**

#### **2.3.1. Trồng rừng**

- Đối tượng: Đất trống có cây bụi rải rác (IB), đất liếp trong các khu nuôi trồng thủy sản, đất các bãi bồi ven sông, cửa biển.

- Diện tích trồng rừng mới, giai đoạn 2011 - 2015 là 685 ha, trong đó:

+ Trồng rừng phi lao: 55 ha;

+ Trồng rừng bần: 210 ha;

+ Trồng rừng đước + đưng: 120 ha;

+ Trồng các loài cây khác: 300 ha.

- Phân theo các huyện: Châu Thành 95 ha, Cầu Ngang 95 ha và Duyên Hải 495 ha.

#### **2.3.2. Chăm sóc rừng trồng**

Diện tích rừng trồng phải chăm sóc giai đoạn 2011 - 2015 là 2.008 ha, gồm Chăm sóc năm 1 là 669 ha, chăm sóc năm 2 là 683 ha, chăm sóc năm 3 là 656 ha; phân theo các năm: năm 2011 là 491 ha, năm 2012 là 386 ha, năm 2013 là 314 ha, năm 2014 là 342 ha và năm 2015 là 475 ha.

2.3.3. Trồng cây phân tán: Hoàn thành việc trồng cây lâm nghiệp phân tán, giai đoạn 2011 - 2015 với số lượng là 5,774 triệu cây, bình quân trồng 1,155 triệu cây/năm.

### **2.4. Sử dụng rừng**

3.4.1 Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch sinh thái, du lịch dưới tán rừng trên địa bàn đất lâm nghiệp để đánh giá các tiềm năng về phát triển du lịch sinh thái, du lịch dưới tán rừng, xác định loại hình và sản phẩm du lịch, quy hoạch không gian phát triển du lịch theo quy định tại Luật Du lịch Việt Nam, trên đất lâm nghiệp tỉnh Trà Vinh, phân thành 3 cụm:

(1) Cụm 1: Rừng phi lao, khu vực bãi cát, bãi biển Ba Động;

(2) Cụm 2: Khu vực rừng ngập mặn, các cồn, cù lao cửa sông Cổ Chiên;

(3) Cụm 3: Khu vực rừng đước khu rừng Long Khánh; lập kế hoạch phát triển du lịch, giai đoạn 2011 - 2015, giai đoạn 2016 - 2020; xây dựng chương trình đào tạo, phát triển nguồn nhân lực phục vụ phát triển du lịch; xây dựng chương



trình tuyên truyền, quảng bá phát triển du lịch để thu hút các nguồn lực về vốn đầu tư, nhân lực; xây dựng về cơ chế, chính sách về đất đai, chính sách miễn giảm thuế, ưu đãi về đầu tư.

3.4.2 Xây dựng đề án thu phí chi trả dịch vụ môi trường rừng theo quy định tại Nghị định số 99/2010/NĐ-CP ngày 24/9/2010 của Chính phủ về chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng, trình Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

Sản xuất lâm - ngư, nông - lâm kết hợp theo các nội dung đã được thẩm định.

Thành lập Quỹ bảo vệ và phát triển rừng theo Nghị định số 05/2008/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2008 của Chính phủ để tiếp nhận, ủy thác tiền chi trả dịch vụ môi trường.

## **2.5. Xây dựng cơ sở hạ tầng**

- Xây dựng trạm Kiểm lâm liên huyện (Châu Thành, Cầu Ngang), Hạt Kiểm lâm Duyên Hải, Trạm quản lý bảo vệ rừng (03 trạm ở khu Bảo tồn Long Khánh), chốt bảo vệ rừng (3 chốt);

- Duy tu, bảo dưỡng hàng năm các nhà/trạm bảo vệ rừng;

- Đóng mốc ranh giới, mốc tiểu khu rừng, hệ thống bảng tuyên truyền về bảo vệ rừng;

- Xây dựng cơ sở hạ tầng cho Ban Quản lý rừng phòng hộ và Ban Quản lý rừng Long Khánh: Đào và nạo vét kênh mương, xây dựng cầu, xây dựng đường đat bê tông....;

- Xây dựng đài quan sát kết hợp giữa phòng cháy, chữa cháy và bảo vệ rừng;

## **2.6. Phòng cháy, chữa cháy rừng**

Hàng năm xây dựng phương án phòng cháy, chữa cháy rừng: Vùng trọng điểm có nguy cơ xảy ra cháy rừng cao trong mùa khô là khu vực rừng phi lao ven biển; xác định các nguyên nhân dễ gây cháy rừng, tổ chức lực lượng phòng cháy, chữa cháy rừng, mua sắm trang thiết bị, đầu tư kinh phí cho phòng cháy, chữa cháy rừng.

Thực hiện đúng các quy định của pháp luật hiện hành về phòng cháy, chữa cháy rừng, vệ sinh rừng phi lao trong mùa khô hàng năm.

## **2.7. Các nội dung khác**

- Lập dự án Bảo vệ và phát triển rừng cho 4 Ban Quản lý rừng cơ sở;

- Xây dựng cơ sở hạ tầng: Xây dựng các trạm kiểm lâm, chốt bảo vệ, nạo vét hệ thống kênh, đóng mốc ranh giới, bảng tuyên truyền;

- Điều tra, kiểm kê hiện trạng rừng và đất lâm nghiệp;



- Xây dựng cơ sở dữ liệu theo dõi diễn biến rừng;
- Thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học, khuyến lâm, khuyến ngư, xây dựng các mô hình trình diễn về sản xuất lâm - ngư kết hợp;
- Thực hiện các nội dung về tuyên truyền, giáo dục về bảo vệ rừng, bảo vệ tài nguyên thiên nhiên, môi trường;
- Đào tạo nâng cao kiến thức, năng lực cho cán bộ, viên chức ngành lâm nghiệp.
- Mua sắm các trang thiết bị phục vụ quản lý, bảo vệ rừng và các hoạt động khác.

### **3. Tổng hợp nhu cầu vốn đầu tư**

Tổng khái toán nhu cầu vốn đầu tư cho bảo vệ và phát triển rừng, giai đoạn 2011 - 2015 là 46.014 triệu đồng;

- *Phân theo các hạng mục đầu tư:*
  - + Bảo vệ rừng: 9.336 triệu đồng;
  - + Phát triển rừng: 11.325 triệu đồng (trồng rừng 9.311 triệu đồng, Chăm sóc rừng 2.014 triệu đồng);
  - + Trồng cây phân tán: 6.925 triệu đồng;
  - + Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng: 8.347 triệu đồng;
  - + Nghiên cứu, xây dựng các mô hình trình diễn, khuyến lâm: 520 triệu đồng;
  - + Xây dựng cơ sở dữ liệu theo dõi diễn biến rừng và đất lâm nghiệp hàng năm: 240 triệu đồng;
  - + Điều tra, kiểm kê và lập hồ sơ rừng, đất lâm nghiệp: 1.934 triệu đồng;
  - + Lập dự án chi trả dịch vụ môi trường rừng: 1.934 triệu đồng;
  - + Lập dự án Bảo vệ và phát triển rừng các ban quản lý rừng cơ sở: 800 triệu đồng;
  - + Phát triển du lịch sinh thái: 332 triệu đồng;
  - + Kinh phí tuyên truyền - giáo dục - đào tạo: 236 triệu đồng;
  - + Mua sắm máy móc thiết bị phục vụ quản lý, bảo vệ rừng: 1.326 triệu đồng;
  - + Quản lý (10% đầu tư cho các hoạt động lâm sinh): 2.759 triệu đồng.

- *Phân theo các năm:*

Tổng nhu cầu vốn đầu tư là 46.014 triệu đồng, trong đó: Ngân sách Trung ương là: 40.356 triệu đồng; Ngân sách địa phương là: 5.658 triệu đồng, phân theo các năm:



+ Năm 2011: 3.455 triệu đồng, ngân sách Trung ương: 2.977 triệu đồng; ngân sách địa phương: 478 triệu đồng;

+ Năm 2012: 6.860 triệu đồng, ngân sách Trung ương: 6.382 triệu đồng; ngân sách địa phương: 478 triệu đồng;

+ Năm 2013: 15.943 triệu đồng, ngân sách Trung ương: 13.188 triệu đồng; ngân sách địa phương: 2.755 triệu đồng;

+ Năm 2014: 9.518 triệu đồng, ngân sách Trung ương: 8.697 triệu đồng; ngân sách địa phương: 821 triệu đồng;

+ Năm 2015: 10.238 triệu đồng, ngân sách Trung ương: 9.112 triệu đồng; ngân sách địa phương: 1.126 triệu đồng.

**Điều 2.** Giao Thường trực Ban Chỉ đạo thực hiện Kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Trà Vinh, giai đoạn 2011 - 2020 (Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) theo chức năng, nhiệm vụ của mình phối hợp với các Sở, ngành có liên quan và Ủy ban nhân dân huyện, thành phố tổ chức thực hiện Kế hoạch đã được phê duyệt.

- Tổ chức thanh tra, kiểm tra thường xuyên để kịp thời phát hiện, xử lý các trường hợp vi phạm việc thực hiện kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng trên địa bàn tỉnh.

- Theo dõi, đôn đốc và tổng hợp việc thực hiện Kế hoạch này, báo cáo kết quả thực hiện về Ủy ban nhân dân tỉnh vào quý IV năm cuối của kỳ kế hoạch để gửi Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Hội đồng nhân dân tỉnh.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường; Cục trưởng Cục Thống kê; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Giám đốc các Ban Quản lý rừng cơ sở; Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành tỉnh có liên quan và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố căn cứ Quyết định thi hành.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

**Nơi nhận:**

- Bộ NN&PTNT;
- Tổng cục Lâm nghiệp;
- TT.TU, TT.HĐND tỉnh;
- CT, các PCT.UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Chi cục Kiểm lâm;
- CVP, các PCVP.UBND tỉnh;
- Các PNC;
- Lưu: VT, NN.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**

**KT. CHỦ TỊCH**

**PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Phong